

Số: 14 /NQ-HĐND

Tân Định, ngày 12 tháng 11 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Về điều chỉnh phân bổ dự toán ngân sách năm 2025
của phường Tân Định

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG TÂN ĐỊNH
NHIỆM KỲ 2021 - 2026, KỲ HỌP THỨ BA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2021/QH15 ngày 01 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách Nhà nước năm 2022;

Căn cứ Thông tư số 49/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 7 năm 2024 của Bộ Tài chính về hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2025 – 2027;

Căn cứ Nghị quyết số 15/2025/NQ-HĐND ngày 24 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ

chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu cho từng cấp ngân sách ở Thành phố Hồ Chí Minh năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 374/NQ-HĐND ngày 24 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, dự toán thu – chi ngân sách địa phương năm 2025 của Thành phố Hồ Chí Minh sau sắp xếp;

Căn cứ Nghị quyết số 375/NQ-HĐND ngày 24 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phân bổ dự toán ngân sách Thành phố Hồ Chí Minh năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 410/NQ-HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố về điều chỉnh phân bổ dự toán ngân sách năm 2025 của Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 379/QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về giao chỉ tiêu dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, dự toán thu - chi ngân sách địa phương năm 2025 của Thành phố Hồ Chí Minh sau sắp xếp;

Căn cứ Quyết định số 2051/QĐ-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2025 của Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 30 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân phường Tân Định về dự toán thu - chi ngân sách và phương án phân bổ ngân sách phường Tân Định năm 2025;

Xét Tờ trình số 61/TTr-UBND ngày 06 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân phường Tân Định về điều chỉnh phân bổ dự toán ngân sách năm 2025 phường Tân Định; Báo cáo thẩm tra số 66/BC-BKTNS ngày 07 tháng 11 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận của Đại biểu Hội đồng nhân dân phường Tân Định tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh khoản 3, khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 30 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân phường Tân Định về dự toán thu - chi ngân sách và phương án phân bổ ngân sách phường Tân Định năm 2025, cụ thể như sau:

“3. Số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên	247,777 tỷ đồng
Trong đó:	
- Số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên	153,953 tỷ đồng
- Số bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên	5,287 tỷ đồng

- Số bổ sung từ ngân sách cấp trên để thực hiện cải cách tiền lương 88,537 tỷ đồng

4. Tổng chi ngân sách phường năm 2025 261,252 tỷ đồng

Bao gồm:

+ Chi sự nghiệp kinh tế	0,914 tỷ đồng
+ Chi sự nghiệp môi trường	1,264 tỷ đồng
+ Chi sự nghiệp Giáo dục, đào tạo & dạy nghề	152,27 tỷ đồng
+ Chi sự nghiệp y tế	8,436 tỷ đồng
+ Chi sự nghiệp văn hóa	1,226 tỷ đồng
+ Chi sự nghiệp TDTT	0,111 tỷ đồng
+ Chi sự nghiệp xã hội	6,237 tỷ đồng
+ Chi quản lý Nhà nước, Đảng, Đoàn thể	64,884 tỷ đồng
+ Chi an ninh	7,878 tỷ đồng
+ Chi Quốc phòng	6,734 tỷ đồng
+ Chi khác	1,250 tỷ đồng
- Dự phòng ngân sách:	10,048 tỷ đồng”

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân phường Tân Định có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân phường, các Ban của Hội đồng nhân dân phường và đại biểu Hội đồng nhân dân phường Tân Định giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân phường Tân Định, nhiệm kỳ 2021 - 2026 kỳ họp thứ tư thông qua ngày 12 tháng 11 năm 2025 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- TT HĐND TP.Hồ Chí Minh;
- TT Đảng ủy phường;
- TT HĐND phường;
- UBND phường;
- VP HĐND và UBND phường;
- Các đại biểu HĐND phường;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH

Lê Đức Thanh

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG PHƯỜNG TÂN ĐỊNH NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 12 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân phường)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng chi ngân sách địa phương	Tổng chi cân đối ngân sách địa phương										Chi chương trình mục tiêu				Chi chuyển nguồn sang năm sau		
			Chi đầu tư phát triển					Chi thường xuyên					Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương (1)	Tổng số	Bổ sung vốn để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách		Bổ sung thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia	
			Tổng số	Chi đầu tư từ nguồn thu XSKT (nếu có)	Chi đầu tư từ nguồn thu trước nước	Chi đầu tư từ nguồn thu từ đất	Tổng số	Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Dự phòng ngân sách									
A	B	1=2+14+18	2=3+9+12+13	3=6+7+8	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14=15+16+17	15	16	17	18
	TỔNG SỐ	261.252	261.252	0	0	0	0	0	0	251.204	152.270	0	10.048	0	0	0	0	0	0
1	Phường Tân Định	261.252	261.252	0						251.204	152.270		10.048		0				



**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG VÀ SỔ BỔ SUNG CÂN ĐỐI
TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI NĂM 2025**

(Kèm theo Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 12 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân phường)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng thu NSNN trên địa bàn	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	Chia ra		Số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên	Số bổ sung từ ngân sách cấp trên để thực hiện cải cách tiền lương	Số bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên	Thu chuyển nguồn (Nguồn cải cách tiền lương còn lại của đơn vị dùng để cân đối chi thường xuyên)	Tổng chi cân đối NSDP
				Thu NSDP hưởng 100%	Phần NSDP được hưởng theo tỷ lệ điều tiết					
A	B	1	2=3+4	3	4	5	6	7	8	9=2+5+6+7+8
	TỔNG SỐ	18.015	13.475	4.900	8.575	153.953	88.537	5.287	0	261.252
1	Phường Tân Định	18.015	13.475	4.900	8.575	153.953	88.537	5.287		261.252

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO TỪNG LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 12 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân phường Tân Định)

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (không kể CTMTQG, CTMT)	Chi thường xuyên	Chi trả nợ lãi do Chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương, chế độ chính sách phát	Chi CTMTQG			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau
									Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
I	TỔNG SỐ	261.252.000.000		251.204.000.000		0	10.048.000.000	0	0		0	
1	Ban Quản lý chợ phường Tân Định	222.025.000		222.025.000								
2	Văn phòng HĐND và UBND	65.023.944.204		65.023.944.204								
3	Văn phòng Đảng ủy phường	7.059.253.701		7.059.253.701								
4	Sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo	132.047.518.000		132.047.518.000								
4.1	Trường Mầm non Hoa Quỳnh	5.566.024.000		5.566.024.000								
4.2	Trường Mầm non Tân Định	8.004.888.000		8.004.888.000								
4.3	Trường Mầm non Bé Ngoan	12.435.810.000		12.435.810.000								
4.4	Trường Tiểu học Đình Tiên Hoàng	19.874.739.000		19.874.739.000								
4.5	Trường Tiểu học Trần Khánh Dư	9.651.713.000		9.651.713.000								
4.6	Trường Tiểu học Đức Sóng	17.426.483.000		17.426.483.000								
4.7	Trường Trung học cơ sở Trần Văn Ôn	34.645.637.000		34.645.637.000								
4.8	Trường Trung học cơ sở Văn Lang	11.113.879.000		11.113.879.000								
4.9	Trường Trung học cơ sở Huỳnh Khương Ninh	13.328.345.000		13.328.345.000								
5	Ủy ban MTTQ Việt Nam phường	3.964.262.695		3.964.262.695								
6	- Chi khác	42.886.996.400		42.886.996.400								
II	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	0										
III	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	0										
IV	Dự phòng ngân sách	10.048.000.000					10.048.000.000					
V	Chi tăng thu dự toán tạo nguồn cải cách tiền lương	0										
VI	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	0										
VII	Chi tăng thu dự toán chi chế độ, chính sách phát sinh	0										
VIII	Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau	0										

Đơn vị: đồng



(Ban hành kèm theo Nghị định số:
31/2017/NĐ-CP của Chính phủ)

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG THEO LĨNH VỰC NĂM 2025 SAU ĐIỀU CHỈNH

(Kèm theo Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 12/11/2025 của HĐND phường Tân Định)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán HĐND phường giao năm 2025 tại Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 30/7/2025	Dự toán điều chỉnh đợt này		Tổng dự toán năm 2025 sau điều chỉnh
			Dự toán giảm	Tăng để thực hiện các nhiệm vụ chi	
A	B	I	2	3	5=I+4
	TỔNG CHI NSDP (A+B+C+D)	248.672	-	12.580	261.252
A	CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI				
B	CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ THEO LĨNH VỰC	248.672	-	12.580	261.252
I	Chi đầu tư phát triển	-	-	-	-
II	Chi thường xuyên	243.806	-	7.398	251.204
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	152.270			152.270
-	Chi khoa học và công nghệ				-
-	Chi quốc phòng	6.155		579	6.734
-	Chi An Ninh và trật tự an toàn xã hội	7.878			7.878
-	Chi y tế, dân số và gia đình	8.330		106	8.436
-	Chi văn hóa thông tin	1.226			1.226
-	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	-			-
-	Chi thể dục thể thao	111			111
-	Chi bảo vệ môi trường	1.264			1.264
-	Chi các hoạt động kinh tế	914			914
-	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	59.421		5.463	64.884
-	Chi bảo đảm xã hội	6.237			6.237
-	Chi thường xuyên khác			1.250	1.250
III	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	-	-	-	-
IV	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay				
V	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính				
VI	Dự phòng ngân sách	4.866		5.182	10.048
VII	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương				
C	CHI TỪ NGUỒN THU ĐỂ LẠI QUẢN LÝ QUA NGÂN SÁCH				
D	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU				

Ghi chú:

(1) Ngân sách xã không có nhiệm vụ chi bổ sung cân đối cho ngân sách cấp dưới.

(2) Năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách, dự toán chi đầu tư phát triển ngân sách địa phương được xác định bằng định mức phân bổ chi đầu tư phát triển do Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định cộng với (+) số bội chi ngân sách địa phương (nếu có) hoặc trừ đi (-) số bội thu ngân sách địa phương và chi trả nợ lãi (nếu có).

(3) Theo quy định tại Điều 7, Điều 11 và Điều 39 Luật NSNN, ngân sách huyện, xã không có nhiệm vụ chi nghiên cứu khoa học và công nghệ, chi trả lãi vay, chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính.

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2025 SAU ĐIỀU CHỈNH

(Kèm theo Nghị quyết số 14/NQ - HĐND ngày 12/11/2025 của HĐND phường Tân Định)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung (1)	Dự toán HĐND phường giao năm 2025 tại Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 30/7/2025	Dự toán điều chỉnh đợt này		Tổng dự toán năm 2025 sau điều chỉnh
			Dự toán giảm	Dự toán tăng để thực hiện các nhiệm vụ chi	
A	B	1	2	3	4=1+2+3
	TỔNG CHI NSDP	248.672	-	12.580	261.252
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	248.672	-	7.293	255.965
I	Chi đầu tư phát triển			-	
1	Chi đầu tư cho các dự án			-	
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật			-	
3	Chi đầu tư phát triển khác			-	
II	Chi thường xuyên	243.806		2.111	245.917
	<i>Trong đó:</i>				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	152.270			152.270
2	Chi khoa học và công nghệ				
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay				-
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính				-
V	Dự phòng ngân sách	4.866		5.182	10.048
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương			-	-
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	-	-	5.287	5.287
I	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	-	-	5.287	5.287
II	Chi đầu tư phát triển	-	-	-	-
III	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	-	-	-	-
C	CHI TỪ NGUỒN THU ĐỂ LẠI QUẢN LÝ QUA NS	-	-	-	-
D	CHI CHUYỂN NGUỒN NĂM SAU				

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025 SAU ĐIỀU CHỈNH

(Kèm theo Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 12/11/2025 của HĐND phường Tân Định)

Đơn vị: triệu đồng

ST T	Nội dung	Dự toán HĐND phường giao năm 2025 tại Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 30/7/2025		Dự toán điều chỉnh đợt này		Tổng dự toán năm 2025 sau điều chỉnh	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5=1+3	6=2+4
	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN (A+B+C+D+E+F+G)	18.015	248.672	-	12.580	18.015	261.252
A	Tổng các khoản thu NSNN (I+II+III+IV)	18.015	13.475	-	-	18.015	13.475
I	Thu nội địa	18.015	13.475	-	-	18.015	13.475
1	Thu từ khu vực DNNN do TW, địa phương QL	-	-			-	-
2	Thu từ khu vực DN nhà nước do ĐP quản lý	-	-			-	-
3	Thu từ khu vực DN có vốn đầu tư nước ngoài					-	-
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh		-			-	-
5	Thuế thu nhập cá nhân					-	-
6	Thuế bảo vệ môi trường					-	-
7	Lệ phí trước bạ	12.250	8.575			12.250	8.575
8	Thu phí, lệ phí	1.425	900			1.425	900
-	Phí và lệ phí trung ương					-	-
-	Phí và lệ phí tỉnh					-	-
-	Phí và lệ phí huyện, xã	1.425	900			1.425	900
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp					-	-
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	4.000	4.000			4.000	4.000
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước					-	-
12	Thu tiền sử dụng đất					-	-
13	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản					-	-
14	Thu khác ngân sách	340				340	
II	Thu từ đầu thô	-	-			-	-
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	-	-			-	-
IV	Thu viện trợ	-	-			-	-
B	THU CHUYỂN NGUỒN	-	-			-	-
C	THU KẾT DƯ	-	-			-	-
D	BỔ SUNG TỪ NGUỒN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG	-				-	-
E	THU HUY ĐỘNG	-	-			-	-
F	THU BÁN ĐẤU GIÁ ĐẤT CÔNG	-	-			-	-
G	THU BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN	-	235.197		12.580	-	247.777

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025 SAU ĐIỀU CHỈNH

(Kèm theo Nghị quyết số 14/NQ - HĐND ngày 12/11/2025 của HĐND phường Tân Định)

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán HĐND phường giao năm 2025 tại Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 30/7/2025	Dự toán điều chỉnh đợt này			Tổng dự toán năm 2025 sau điều chỉnh
			Dự toán giảm (do các đơn vị thực hiện tiết kiệm 10% chi TX để tạo nguồn CCTL)	Dự toán tăng để thực hiện các nhiệm vụ phường	Tổng cộng	
A	B	1	2	2	3	3
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	248.672	(1.693)	14.273	12.580	261.252
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	13.475	-	-	-	13.475
-	Thu NSDP hưởng 100%	4.900			-	4.900
-	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	8.575			-	8.575
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	235.197	(1.693)	14.273	12.580	247.777
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	144.967		8.986	8.986	153.953
2	Thu bổ sung để thực hiện cấu cách tiền lương	90.230	(1.693)		(1.693)	88.537
3	Thu bổ sung có mục tiêu			5.287	5.287	5.287
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính				-	-
IV	Thu kết dư				-	-
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang				-	-
VI	Thu để lại quản lý qua NSNN					
B	TỔNG CHI NSDP	248.672	-	12.580	7.293	261.252
I	Tổng chi cân đối NSDP	248.672	-	7.293	7.293	255.965
1	Chi đầu tư phát triển				-	-
2	Chi thường xuyên	243.806		2.111	2.111	245.917
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay				-	-
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính				-	-
5	Dự phòng ngân sách	4.866		5.182	5.182	10.048
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	-			-	-
II	Chi các chương trình mục tiêu	-	-	5.287	-	5.287
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia					
2	Chi đầu tư phát triển từ nguồn thu tiền SDD					
3	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ			5.287		5.287
III	Chi từ nguồn thu để lại quản lý qua NS	-			-	-
IV	Chi chuyển nguồn sang năm sau					
C	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP					
D	CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSDP					
E	TỔNG MỨC VAY CỦA NSDP					

Ghi chú:

(1) Năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách, dự toán chi đầu tư phát triển ngân sách địa phương được xác định bằng định mức phân bổ chi đầu tư phát triển do Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định công với (+) số bội chi ngân sách địa phương (nếu có) hoặc trừ đi (-) số bội thu ngân sách địa phương và chi trả nợ lãi (nếu có).

(2) Theo quy định tại Điều 7, Điều 11 Luật NSNN, ngân sách huyện, xã không có nhiệm vụ chi trả nợ lãi vay, thu - chi quỹ dự trữ tài chính, bội chi NSDP, vay và chi trả nợ gốc.

(3) Đối với các chi tiêu thu NSDP, so sánh dự toán năm kế hoạch với ước thực hiện năm hiện hành. Đối với các chi tiêu chi NSDP, so sánh dự toán năm kế hoạch với dự toán năm hiện hành.

